

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 5 năm 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Ông Nguyễn Thành Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1993. ĐKKHKT: Xã NV, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở: Thôn TT, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc S, sinh năm 1991. ĐKKHKT: Xã NV, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở: Thôn TT, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Đinh Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Ngọc S ngày 29/11/2013. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VN, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng bố anh S đến năm 2016 thì vợ chồng và các con chuyển về Thôn TT, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh

Bắc Giang ở ổn định cho đến nay. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S thường xuyên chơi bời, cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Anh S thường xuyên vắng mặt ở nhà, chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau bằng điện thoại nhưng anh S không nói là đang làm gì và ở đâu. Chị có liên lạc với bố đẻ của anh S nhưng ông cũng không biết anh S đang làm gì ở đâu. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Lê Ngọc S.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị HG, sinh ngày 02/02/2015 và Lê TK, sinh ngày 27/3/2018. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị. Vợ chồng ly hôn thì chị yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Chị có chỗ ở và thu nhập ổn định.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt (Chị xin vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa).

* Bị đơn là anh Lê Ngọc S không đến Tòa án làm việc trong quá trình giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Đinh Thị H được ly hôn anh Lê Ngọc S.
2. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Thị HG, sinh ngày 02/02/2015 và Lê TK, sinh ngày 27/3/2018 cho chị Đinh Thị H nuôi dưỡng.
3. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Đinh Thị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Lê Ngọc S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2]- Về quan hệ tình cảm: Chị Đinh Thị H và anh Lê Ngọc S kết hôn ngày 29/11/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không còn chung sống với nhau. Chị H yêu cầu ly hôn anh S. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh S (theo Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Thị HG, sinh ngày 02/02/2015 và Lê TK, sinh ngày 27/3/2018. Vợ chồng ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh S không có ý kiến hay yêu cầu gì về con chung. Các con chung vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Để các cháu có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên cần giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật

tổ tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Đinh Thị H được ly hôn anh Lê Ngọc S.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Thị HG, sinh ngày 02/02/2015 và Lê TK, sinh ngày 27/3/2018 cho chị Đinh Thị H nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000631 ngày 01/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã VN, huyện Tân Yên;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Phạm Thị Chuyên